

Bản án số: 161A /2018/HS-ST
Ngày: 13/9/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thúc Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hữu Trục.

Ông Nguyễn Đức Tường Thoại.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Huyền Trang, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên tòa:
Ông Trần Văn Cẩm, Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Huế (Địa chỉ: 60 Nguyễn Huệ, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế) xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 135/2018/TLST-HS ngày 20 tháng 7 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 164/2018/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 8 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 684/2018/HSST-QĐ ngày 24/8/2018 đối với bị cáo:

Phạm Văn T, sinh ngày 20/10/1983, tại tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: Thôn P, xã D, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Dạy bơi lội; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn N (đã chết) và bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1947; chưa có vợ, con.

Nhân thân: Lúc nhỏ sống với bố mẹ tại xã D, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Từ năm 2000 đến năm 2004: Học năng khiếu môn thể thao bơi lội và học văn hóa tại thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Từ năm 2005 đến năm 2016, làm nghề xây dựng tại huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Năm 2017, vào thành phố H làm nghề xây dựng. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt theo Quyết định truy nã, tạm giữ từ 26/4/2018, sau đó chuyển tạm giam. Ngày 18/5/2018, bị cáo được thay thế biện pháp ngăn chặn “Tạm giam” bằng biện pháp ngăn chặn “Bảo lãnh” cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* Bị hại: Bà Nguyễn Thị Túy P, sinh năm 1968.

Trú tại: Tổ P, khu vực M, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.
Vắng mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- NLQ1, sinh năm 1987.

Trú tại: đường P, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

- NLQ2, sinh năm 1959.

Trú tại: đường P, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

* Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị T (H), sinh năm 1965.

Trú tại: Đường M, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 00' ngày 12/3/2017, do không có P tiện để đi lại, Phạm Văn T đến nhà của chị Nguyễn Thị Túy P hỏi mượn xe mô tô để đi lại. Chị P đồng ý giao xe mô tô hiệu Yamaha Taurus màu trắng - đen, biển số 75B1-032.00 cùng giấy đăng ký xe cho P mượn. Khoảng ba ngày sau, P đến nhà chị P để mượn tiền, hẹn cuối tháng nhận lương sẽ trả tiền cho chị P. Do không có tiền mặt, nên chị P cho P mượn 01 chỉ vàng 24K (9999) để P đưa đi bán lấy tiền. Ngay sau đó, P đã bán chỉ vàng mượn của chị P lấy số tiền 2.800.000 đồng (hai triệu tám trăm nghìn đồng).

Đến ngày 18/3/2017, do cần tiền để giải quyết công việc cá nhân, Phạm Văn T đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô 75B1-032.00 mang đi cầm cố. Thực hiện ý định đó, P đã đưa xe mô tô 75B1-032.00 đến cầm cố cho chị Lê Thị Cẩm Aláy số tiền 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng). Cuối tháng 3/2017, Phạm Văn T bỏ trốn. Do nhiều lần tìm gặp và liên lạc với P không được, biết P đã bỏ trốn, nên chị P đã làm đơn trình báo với cơ quan Công an, đề nghị điều tra làm rõ để xử lý P theo pháp luật. Ngày 26/4/2018, Phạm Văn T bị bắt theo Quyết định truy nã.

** Vật chứng thu giữ gồm:*

- 01 (một) chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Taurus màu trắng – đen; số máy: 16S1-084355; số khung: 10BY-084356; biển số 75B1-032.00;

- 01 giấy Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 1280; tên chủ xe: Lê XNam; biển số đăng ký: 75B1-032.00.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 200/KL-HĐĐG ngày 27/6/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Huế xác định: Tại thời điểm bị chiếm đoạt, xe mô tô hiệu Yamaha Taurus màu trắng - đen, biển số 75B1-032.00 có trị giá: 11.000.000 đồng (mười một triệu đồng).

Đối với 01 chỉ vàng 24K (9999) của chị P cho bị cáo mượn để đem đi bán, quá trình điều tra xác định: Sau khi mượn của chị P 01 chỉ vàng, P đã đem bán cho một người không rõ lai lịch được 2.800.000 đồng (hai triệu tám trăm nghìn đồng). Do không thu giữ được chỉ vàng này, nên không thể tiến hành trưng cầu giám định về chất lượng, khối lượng vàng.

Chị P trình bày mình đã mua chỉ vàng này tại một tiệm vàng ở chợ Đông Ba, thành phố H vào năm 2011, với giá 3.900.000 đồng (ba triệu chín trăm nghìn đồng). Hiện chị P không còn lưu giữ giấy tờ gì liên quan đến việc mua – bán chỉ vàng này. Do vậy, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Huế cũng không đủ căn cứ để kết luận trị giá tài sản (bản Kết luận định giá tài sản số 227a/KL-HĐĐG ngày 10/6/2018). Tại Giấy báo giá ngày 12/5/2018 của Doanh nghiệp tư nhân hàng vàng Thuận Thành D xác định: Giá trung bình 01 chỉ vàng 9999 tại thời điểm tháng 3/2017 thấp nhất là 3.330.000 đồng (ba triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng), cao nhất là 3.450.000 đồng (ba triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

Quá trình điều tra, Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị Túy P cũng đã thống nhất xác định giá trị thực tế của chỉ vàng nêu trên tại thời điểm tháng 3/2017 như giá vàng mà Doanh nghiệp tư nhân hàng vàng Thuận Thành Duy Mong cung cấp cho Cơ quan điều tra.

Tại bản Cáo trạng số 136/CT-VKS ngày 18/7/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố bị cáo Phạm Văn T về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế trình bày ý kiến rút một phần truy tố đối với hành vi chiếm đoạt 01 chỉ vàng (9999) tương đương với giá trị 3.330.000 đồng (ba triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng) vì là quan hệ dân sự; chỉ truy tố bị cáo đối với hành vi chiếm đoạt xe mô tô hiệu Yamaha Taurus màu trắng - đen, biển số 75B1-032.00 với giá trị 11.000.000 đồng (mười một triệu đồng).

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 140; điểm b, h, p, s khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 04 tháng đến 05 tháng tù.

Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô biển số 75B1-032.00 là của anh Châu Đức T (sinh năm 1982; trú tại đường P, phường T, thành phố H là chủ cửa hàng xe máy T - Mẫn) mua lại của anh Lê X (trú tại: Khu vực 4, thị trấn L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế). Sau đó, anh T đổi - bán xe này lại cho anh Nguyễn Viết X. Việc mua bán, trao đổi chiếc xe mô tô 75B1-032.00 giữa những người này không làm thủ tục sang tên chủ sở hữu. Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng, trả lại chiếc xe mô tô 75B1-032.00 cùng giấy Chứng nhận đăng ký xe cho anh X là đúng quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra, Phạm Văn T đã trả lại cho chị Lê Thị Cẩm A số tiền 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng). Ngày 23/3/2018, P cũng đã liên lạc với anh Nguyễn Viết X (sinh năm 1959; là chồng của chị Nguyễn Thị Túy P) để lấy số tài khoản, tự nguyện chuyển vào tài khoản của anh X tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu số tiền 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng). Trong đó, số tiền 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) dùng để bồi thường trị giá một chỉ vàng 24K (9999) đã chiếm đoạt của chị P; còn số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng)

dùng để bồi thường chi phí cho việc anh X đi lại tìm P. Sau khi nhận tiền, các chị Lê Thị Cẩm A Nguyễn Thị Túy P và anh Nguyễn Viết X không yêu cầu gì thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Huế, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Phạm Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Xét lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp khách quan với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để kết luận:

Ngày 18/3/2017, sau khi mượn chiếc xe mô tô hiệu Yamaha-Taurus biển số 75B1-032.00, có giá trị 11.000.000 đồng (mười một triệu đồng) của chị Nguyễn Thị Túy P để đi lại, Phạm Văn T đã nảy sinh ý định chiếm đoạt, đưa xe đến địa chỉ đường P, phường T, thành phố H liên hệ cầm cố cho chị Lê Thị Cẩm A lấy số tiền 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng), sử dụng tiêu xài cá nhân hết. Hành vi chiếm đoạt của bị cáo thực hiện vào năm 2017 nên bị cáo Phạm Văn T đã phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Đối với việc chị Nguyễn Thị Túy P tự nguyện giao cho bị cáo 01 chỉ vàng 9999 để đưa đi bán lấy tiền trước khi bị cáo chiếm đoạt xe mô tô hiệu Yamaha-Taurus biển số 75B1-032.00 đi cầm cố. Bị cáo và chị P thỏa thuận khi nào bị cáo nhận lương sẽ trả chỉ vàng này. Đến ngày 23/3/2018, bị cáo tự nguyện chuyển tiền qua số tài khoản của anh Nguyễn Viết X (chồng chị P) để trả nợ chỉ vàng mà bị cáo mượn. Hội đồng xét xử xét thấy đây là quan hệ dân sự, không có sự việc phạm tội xảy ra. Vì vậy, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế rút một phần truy tố đối với hành vi chiếm đoạt 01 chỉ vàng (9999) tương đương với giá trị 3.330.000 đồng (ba triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng) là có cơ sở, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo không chỉ xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân mà còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội tại địa P. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi lợi dụng sự tín nhiệm của người khác để chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Thế nhưng do muốn hưởng lợi từ công sức lao

động của người khác nên bị cáo đã phạm tội. Trong quá trình điều tra bị cáo đi khỏi nơi cư trú và bị cáo bị bắt theo quyết định truy nã, nên cần phải xử phạt bị cáo nghiêm khắc và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, cũng cần xem xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ sau: Bị cáo không phạm vào tình tiết tăng nặng nào; bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; ngày 01/9/2000, bị cáo được Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình khen thưởng vì đạt 03 Huy chương vàng môn bơi lội tại Hội khỏe Phù Đổng toàn quốc lần thứ V năm 2000 nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ là người phạm tội có thành tích trong học tập; đây là các tình tiết giảm nhẹ này quy định tại điểm b, g, h, p, s khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên Hội đồng xét xử quyết định áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, và xử phạt bị cáo 04 tháng tù, là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô biển số 75B1-032.00 là của anh Châu Đức T (sinh năm 1982; trú tại đường P, phường A, thành phố H; là chủ cửa hàng xe máy T - Mẫn) mua lại của anh Lê X (trú tại: Khu vực 4, thị trấn P, huyện L, tỉnh Thừa Thiên Huế). Sau đó, anh T đổi - bán xe này lại cho anh Nguyễn Viết X. Việc mua bán, trao đổi chiếc xe mô tô 75B1-032.00 giữa những người này không làm thủ tục sang tên chủ sở hữu. Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng, trả lại chiếc xe mô tô 75B1-032.00 cùng giấy Chứng nhận đăng ký xe cho anh X là đúng quy định của pháp luật.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã nhận lại tài sản, được bồi thường, không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Buộc bị cáo Phạm Văn T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 140; điểm b, g, h, p, s khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2011); điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn T 04 (bốn) tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Thời gian chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt giam thi hành án, được trừ thời gian bị cáo bị tạm giam từ ngày 24/4/2018 đến ngày 18/5/2018.

Về án phí: Bị cáo Phạm Văn T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, thông báo cho bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh TT Huế;
- Sở Tư pháp;
- VKSND thành phố Huế;
- Cơ quan CATP Huế;
- Phòng PV27 Công an tỉnh TT Huế;
- Chi cục Thi hành án dân sự tp Huế;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- THA HS;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thúc Mỹ